

Bản án số: 233/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 29 – 8 – 2024  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo

Ông Châu Trung Trực

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 388/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 265/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Hồng G, sinh năm 1972; địa chỉ thường trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; Nơi sinh sống hiện tại: ấp P, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

- **Bị đơn:** Ông Tô Minh T, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Bà Nguyễn Hồng G trình bày:*

Về hôn nhân: Bà G chung sống với ông T vào năm 1991, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không có hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống gia đình hai bên và chính quyền địa phương có hòa giải nhưng vẫn không thành. Bà G và ông T đã sống ly thân nhau khoảng 5 năm. Nay bà G xác định không thể tiếp tục chung sống, tình cảm vợ chồng không còn gắn bó yêu thương nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Về con chung: Có hai con chung Tô Thúy H, sinh năm 1992 và Tô Minh Q, sinh năm 1994. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ không có.

*Ông Tô Minh T trình bày:*

Bà G tự ý bỏ đi làm ở Bình Dương đến nay đã 5 năm không về nhà và cắt mọi liên lạc với ông. Nay ông không đồng ý ly hôn vì chưa biết nguyên nhân bà G xin ly hôn với ông. Đồng thời ông xin vắng mặt không tham dự phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Hồng G và ông Tô Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà G và ông T chung sống vào năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, bất đồng đồng quan điểm, mỗi người có cuộc sống riêng, ly thân nhau 5 năm nay. Ông T không đồng ý ly hôn với bà G.

Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn hay ông, bà đồng ý ly hôn với nhau không mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp.

[3] Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà G xác định không yêu cầu về phân tài sản chung, về nợ chung xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là đúng quy định.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Hồng G và ông Tô Minh T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Hồng G phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001688 ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (đã nộp xong).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Ngọc Trúc**